

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

NGUYỄN THỊ THU THẢO
Học viện Chính trị khu vực I

Nhận bài ngày 15/8/2025. Sửa chữa xong 16/9/2025. Duyệt đăng 20/9/2025.

Abstract

Digital transformation is profoundly reshaping state governance, creating an urgent demand to improve the legal system in order to adapt to new conditions, ensure transparency and effective administration, promote innovation, and safeguard human rights. This article analyzes the theoretical foundations of governance by law, clarifies the requirements arising in the context of digital transformation in Vietnam, identifies major challenges, and proposes solutions to strengthen legal-based governance capacity, thereby contributing to the development of a modern, democratic, and people-centered state.

Keywords: State governance, law, digital transformation, e-government, cybersecurity.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số (CĐS) đang trở thành xu thế toàn cầu, tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị và xã hội. Các quốc gia trên thế giới đều nỗ lực thích ứng với bối cảnh mới thông qua việc cải cách cấu trúc quản trị và ứng dụng công nghệ số nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả, tính minh bạch cũng như khả năng phục vụ người dân. Tại Việt Nam, Chương trình CĐS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (ban hành theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020) đã xác định ba trụ cột chiến lược: chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Trong toàn bộ tiến trình này, pháp luật không chỉ đóng vai trò là hệ thống các quy tắc điều chỉnh hành vi xã hội mà còn giữ vị trí trung tâm trong việc thiết lập trật tự, bảo đảm cho CĐS diễn ra theo đúng định hướng XHCN, tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đồng thời kiểm soát quyền lực nhà nước trong môi trường số. Pháp luật, với tính chất ổn định và bắt buộc thi hành chính là công cụ để Nhà nước vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo, vừa hạn chế rủi ro, bảo đảm cân bằng giữa tự do cá nhân và lợi ích chung, giữa phát triển kinh tế số và an ninh quốc gia.

Xuất phát từ những yêu cầu lý luận và thực tiễn đó, bài viết này hướng tới ba mục tiêu nghiên cứu: 1) Phân tích cơ sở lý luận của quản lý nhà nước (QLNN) bằng pháp luật trong bối cảnh số hóa; 2) Đánh giá thực tiễn QLNN ở Việt Nam trong quá trình CĐS; 3) Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN bằng pháp luật, góp phần xây dựng một nền quản trị hiện đại, minh bạch và vì nhân dân.

2. Cơ sở lý luận về quản lý nhà nước bằng pháp luật trong bối cảnh chuyển đổi số

2.1. Khái niệm quản lý nhà nước bằng pháp luật

Quản lý là sự tác động, chỉ huy, điều khiển các quá trình xã hội và hành vi của con người để chúng phát triển phù hợp với quy luật đạt tới mục đích đề ra và theo đúng ý chí của người quản lý. Quản lý được thực hiện bằng tổ chức và quyền uy nhằm bảo đảm sự phục tùng và sự thống nhất trong quản lý. QLNN là một dạng quản lý xã hội đặc biệt, được sử dụng quyền lực nhà nước như lập pháp, hành pháp và tư pháp để quản lý mọi lĩnh vực của đời sống xã hội [15, tr. 633].

Quản lý nhà nước bằng pháp luật được hiểu là việc Nhà nước sử dụng pháp luật như công cụ chủ yếu để

Email: thuthao.nguyen.91@gmail.com

điều chỉnh các quan hệ xã hội và tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước [5, tr. 49]. Khác với các phương thức quản lý bằng đạo đức hay tập quán, quản lý bằng pháp luật bảo đảm tính bắt buộc chung, tính quy phạm phổ biến và có chế tài thực thi [14, tr. 280]. Trong các nhà nước pháp quyền hiện đại, pháp luật là nền tảng để bảo đảm mọi quyền lực được thực thi trong khuôn khổ Hiến pháp, trên nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Trong điều kiện Việt Nam, QLNN bằng pháp luật còn gắn liền với nguyên tắc “*Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân*” [13, Điều 2], được thực hiện thông qua Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều đó đòi hỏi pháp luật không chỉ là công cụ quản lý mà còn là phương tiện thể chế hóa ý chí, nguyện vọng của nhân dân, đồng thời định hướng sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên, CDS đã tạo ra những thay đổi căn bản trong QLNN. Các quy trình hành chính dần được số hóa, dịch vụ công trực tuyến thay thế hình thức trực tiếp, dữ liệu trở thành nền tảng của ra quyết định và tính minh bạch được tăng cường nhờ cơ chế dữ liệu mở. Sự thay đổi này đã đặt ra yêu cầu mới cho pháp luật: phải điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong không gian mạng, bảo vệ quyền lợi công dân trong môi trường số và tạo hành lang pháp lý để bộ máy nhà nước hoạt động hiệu quả hơn.

2.2. Yêu cầu về quản lý nhà nước bằng pháp luật trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong thời kỳ CDS, QLNN bằng pháp luật không chỉ giữ vai trò là công cụ điều chỉnh các quan hệ xã hội mà còn trở thành nền tảng đảm bảo cho sự phát triển ổn định, minh bạch và bền vững của toàn bộ hệ thống chính trị - xã hội. Tính đặc thù của thời kỳ số hóa đòi hỏi pháp luật phải có khả năng thích ứng cao, đi trước một bước, vừa định hướng, vừa kiểm soát, đồng thời khuyến khích sự đổi mới sáng tạo.

2.2.1. Yêu cầu quan trọng hàng đầu là hoàn thiện khuôn khổ pháp luật

Đây là nền tảng bảo đảm cho QLNN bằng pháp luật trong bối cảnh CDS. Nếu như trước đây, pháp luật chủ yếu tập trung vào việc điều chỉnh các quan hệ xã hội truyền thống như dân sự, hành chính, thương mại, lao động thì hiện nay, trước sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, phạm vi điều chỉnh của pháp luật buộc phải được mở rộng sang những lĩnh vực hoàn toàn mới, có tính chất phức tạp và biến đổi nhanh như trí tuệ nhân tạo, CDS, chuyển đổi xanh, khai thác nguồn lực dữ liệu, tài sản mã hóa... [5] cũng như các quyền và nghĩa vụ của công dân trong không gian số. Nếu không có tầm nhìn chiến lược, pháp luật rất dễ rơi vào tình trạng lạc hậu, không theo kịp thực tiễn, dẫn đến khoảng trống pháp lý hoặc tình trạng chạy theo công nghệ. Do vậy, vấn đề đặt ra là pháp luật cần được xây dựng theo hướng hiện đại, tiên liệu trước những xu hướng công nghệ, đồng thời bảo đảm tính linh hoạt và thích ứng cao. Cách tiếp cận theo quy định nguyên tắc (principle-based regulation) thay vì quy định quá chi tiết, cứng nhắc là giải pháp khả thi để pháp luật có thể điều chỉnh những công nghệ luôn biến đổi, tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Có thể nói, muốn QLNN hiệu quả trong thời đại số, pháp luật không chỉ cần theo kịp sự phát triển công nghệ mà phải chủ động nghiên cứu chiến lược, chính sách từ sớm, từ thực tiễn, từ kinh nghiệm của thế giới, góp phần tăng cường tính dự báo, định hướng [5], đồng thời giữ vai trò vành đai an toàn bảo vệ lợi ích công cộng và quyền cơ bản của con người.

2.2.2. Đổi mới pháp luật hành chính và cơ chế thực thi là một yêu cầu tất yếu, gắn liền trực tiếp với tiến trình chuyển đổi số

Trong bối cảnh hiện nay, quản lý hành chính nhà nước không thể tiếp tục vận hành theo mô hình dựa trên giấy tờ và thủ tục truyền thống vốn công kênh, tốn kém và dễ phát sinh tiêu cực. Thay vào đó cần mạnh mẽ chuyển sang mô hình quản trị điện tử và chính phủ số. Việc hợp pháp hóa và chuẩn hóa những công cụ này có ý nghĩa quyết định, vừa giúp giảm thiểu chi phí giao dịch xã hội, tiết kiệm nguồn lực, vừa góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả trong hoạt động QLNN. Đổi mới pháp luật hành chính trong bối cảnh số hóa không chỉ dừng lại ở việc số hóa các thủ tục vốn có mà cần hướng tới cải cách toàn diện quy trình và cơ chế thực thi. Điều đó bao gồm việc xây dựng hệ thống pháp luật hành chính theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, đơn giản hóa

tối đa thủ tục, đồng thời bảo đảm khả năng kết nối và liên thông giữa các cơ quan, ngành, lĩnh vực [5].

2.2.3. Quản lý nhà nước bằng pháp luật trong bối cảnh số hóa phải gắn liền với kiểm soát quyền lực nhà nước thông qua công nghệ số

Trong bối cảnh hiện nay, pháp luật cần thiết lập cơ chế để công nghệ số được sử dụng như phương tiện kiểm soát quyền lực nhà nước. Cụ thể, hệ thống dữ liệu quản lý công vụ, tài chính công, mua sắm công, quản lý đất đai và ngân sách cần được số hóa, tích hợp và công khai theo từng mức độ phù hợp nhằm bảo đảm người dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, báo chí và cơ quan giám sát có thể tiếp cận, phân tích, đối chiếu và giám sát việc thực thi quyền lực một cách hợp pháp, minh bạch. Đây chính là nền tảng để hình thành một cơ chế kiểm soát xã hội dựa trên dữ liệu, nơi người dân được trao quyền giám sát thực chất hơn đối với hoạt động công vụ. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả cần bổ sung và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý theo hướng quy định rõ ràng về trách nhiệm công khai, minh bạch dữ liệu; thiết lập cơ chế để Nhân dân trực tiếp kiểm soát quyền lực nhà nước; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, quyền kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo và các quyền khác của công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật [6]; đồng thời xây dựng hành lang pháp lý cho việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong giám sát hoạt động công quyền. Chỉ khi đó, công nghệ số mới thực sự trở thành công cụ pháp quyền hiện đại, vừa hỗ trợ quản lý nhà nước hiệu quả, vừa bảo đảm quyền lực nhà nước được vận hành trong khuôn khổ pháp luật và sự giám sát của nhân dân.

2.2.4. Bảo vệ quyền con người trong môi trường số là nguyên tắc cốt lõi, xuyên suốt và không thể thay thế trong quá trình quản lý nhà nước bằng pháp luật

Trong bối cảnh số hóa, nếu thiếu một khung pháp lý toàn diện, nguy cơ lạm dụng dữ liệu, vi phạm quyền riêng tư, tấn công mạng, thao túng thông tin và xâm phạm đời sống số của công dân sẽ trở thành những thách thức lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin xã hội cũng như tính chính danh của Nhà nước pháp quyền. Trong không gian số, dữ liệu cá nhân trở thành tài sản số có giá trị đặc biệt, gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể [8, Điều 2], với danh tính, quyền tự do cá nhân và quyền an toàn của mỗi công dân. Việc thu thập, xử lý, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu cần được pháp luật quy định minh bạch, với cơ chế kiểm soát quyền truy cập, trách nhiệm giải trình và chế tài xử lý vi phạm rõ ràng. Đồng thời, pháp luật phải thiết lập cơ chế để công dân tự quyết đối với dữ liệu của mình, bảo đảm quyền được biết, quyền đồng ý, quyền yêu cầu chỉnh sửa hoặc xóa bỏ thông tin cá nhân khi cần thiết... [8, Điều 9]. Có thể khẳng định rằng, chỉ khi quyền con người trong môi trường số được bảo đảm và thực thi đầy đủ bằng pháp luật thì CDS mới có thể diễn ra bền vững, hài hòa giữa phát triển công nghệ, quản lý hiệu quả và bảo vệ lợi ích chính đáng của người dân. Đây cũng chính là yếu tố quyết định để củng cố niềm tin xã hội, tạo dựng nền tảng cho một Nhà nước pháp quyền XHCN hiện đại, nhân văn và vì con người

3. Thực tiễn quản lý nhà nước bằng pháp luật trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam

Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước xác định CDS là một động lực quan trọng cho phát triển đất nước nhanh và bền vững. Cùng với quá trình đó, QLNN bằng pháp luật trong lĩnh vực số vừa là yêu cầu khách quan, vừa là công cụ để bảo đảm quá trình chuyển đổi diễn ra đúng định hướng, có trật tự, kỷ cương và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Những năm gần đây, hệ thống pháp luật của Việt Nam đã có nhiều bước tiến quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu CDS. Tiêu biểu là Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi năm 2023), với việc mở rộng phạm vi điều chỉnh, bổ sung các quy định liên quan đến hợp đồng điện tử, chữ ký số và dịch vụ tin cậy. Đây là nền tảng pháp lý thiết yếu cho việc triển khai các hoạt động kinh tế - xã hội trên môi trường mạng. Bên cạnh đó, Luật An ninh mạng (năm 2018) đã thiết lập khuôn khổ pháp lý nhằm bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong không gian mạng, đồng thời quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới. Hiện nay, Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân đang được chuẩn bị để Quốc hội xem xét thông qua trong giai đoạn tới, được kỳ vọng sẽ tạo ra cơ chế hữu hiệu bảo vệ quyền riêng tư của công dân, đồng thời nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp trong xử lý dữ liệu cá nhân.

Không chỉ dừng lại ở phương diện lập pháp, trên thực tế, nhiều kết quả đã đạt được trong việc tổ chức thực hiện pháp luật gắn với CĐS. Việc vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia đã mở ra kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến hiện đại, minh bạch, giúp người dân và doanh nghiệp tiết kiệm đáng kể thời gian, chi phí khi thực hiện thủ tục hành chính. Tính đến nay, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp 4,5 nghìn dịch vụ công trực tuyến; có hơn 12,17 triệu tài khoản; hơn 287 triệu hồ sơ đồng bộ; hơn 30,2 triệu lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích; 39,7 triệu hồ sơ trực tuyến từ Cổng [8], tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính của cả nước đạt 48,84%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên tổng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đạt 39,65% [9] đã tạo ra những thay đổi rõ rệt trong quan hệ giữa Nhà nước với người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã được xây dựng và kết nối với hệ thống cấp căn cước công dân gắn chip, cho phép thực hiện định danh và xác thực điện tử - yếu tố then chốt trong việc xây dựng Chính phủ số và xã hội số. Những nền tảng này không chỉ nâng cao hiệu quả QLNN mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của kinh tế số. Theo thống kê, tỷ trọng kinh tế số năm 2024 ước đạt 18,3% GDP, tốc độ tăng trưởng vượt 20%/năm, cao gấp 3 lần tốc độ tăng trưởng GDP, nhanh nhất Đông Nam Á, khẳng định vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu nền kinh tế [10].

Tuy vậy, quá trình QLNN bằng pháp luật trong CĐS vẫn bộc lộ không ít hạn chế, cụ thể: 1) Hệ thống pháp luật hiện hành còn phân tán, thiếu đồng bộ; một số lĩnh vực công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, blockchain, tài sản số, tiền kỹ thuật số... chưa có khung pháp lý điều chỉnh cụ thể, khiến hoạt động quản lý còn lúng túng; 2) Năng lực tổ chức thi hành pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là về năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức. Nhiều cơ quan, đơn vị chưa đủ nguồn lực tài chính, kỹ thuật để triển khai đồng bộ các giải pháp số, dẫn đến khoảng cách lớn giữa chính sách và thực tiễn; 3) Vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân còn nhiều bất cập; tình trạng rò rỉ, mua bán trái phép thông tin cá nhân vẫn diễn ra phổ biến, ảnh hưởng đến niềm tin của người dân; 4) Cơ chế kiểm soát quyền lực bằng pháp luật trong lĩnh vực số chưa thật sự hiệu quả, do thiếu các thiết chế độc lập có khả năng giám sát chặt chẽ việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật trong hoạt động quản trị điện tử, đặc biệt là trong sử dụng dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo.

4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước bằng pháp luật trong bối cảnh chuyển đổi số

4.1. Hoàn thiện khung pháp luật và thể chế quản trị số

Một trong những điều kiện tiên quyết để QLNN hiệu quả trong bối cảnh CĐS là xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Hiện nay, các quy định pháp luật ở Việt Nam về giao dịch điện tử, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, thương mại điện tử và dịch vụ số đã được ban hành nhưng vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh của công nghệ. Do đó, trước hết cần đẩy mạnh cải cách pháp luật toàn diện, đặc biệt ở các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến QLNN trong không gian số như Luật Hành chính, Luật Hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Hình sự và các luật chuyên ngành. Các quy định pháp luật nên được thiết kế theo hướng mở và linh hoạt, quy định những nguyên tắc nền tảng thay vì liệt kê quá chi tiết, từ đó cho phép áp dụng được trong nhiều tình huống công nghệ mới chưa từng xuất hiện tại thời điểm xây dựng luật. Đây là cách tiếp cận mà nhiều quốc gia tiên tiến đang áp dụng, nhằm tránh tình trạng luật đi sau công nghệ. Bên cạnh đó, cần xây dựng thể chế quản trị số thống nhất, minh bạch và đồng bộ. Việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực CĐS phải rõ ràng, tránh chồng chéo hoặc bỏ trống khoảng trống pháp lý. Cần có cơ chế phối hợp liên ngành, liên thông dữ liệu và thống nhất về tiêu chuẩn kỹ thuật, đồng thời xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá việc tuân thủ pháp luật trong quản lý số.

4.2. Nâng cao năng lực quản lý và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

Con người là yếu tố trung tâm của mọi quá trình quản trị. Trong bối cảnh CĐS, yêu cầu đặt ra là phải hình thành một đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ công nghệ số, tư duy pháp lý hiện đại và năng lực quản trị công hiệu quả.

Trước hết, cần xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về kỹ năng số cho cán bộ, công chức, đặc biệt ở các lĩnh vực như quản lý dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin và kỹ năng phân tích - xử lý tình huống pháp lý trong không gian mạng. Đồng thời, cán bộ cần được cập nhật liên tục về những thay đổi của pháp luật quốc tế và xu hướng toàn cầu, để có khả năng hoạch định và thực thi chính sách phù hợp.

Thứ hai, cần cải cách chế độ tuyển dụng, đánh giá và sử dụng cán bộ theo hướng dựa trên năng lực và kết quả công việc, gắn với các tiêu chí về năng lực số. Những cán bộ có khả năng sáng tạo, tư duy đột phá và kỹ năng ứng dụng công nghệ nên được ưu tiên bổ nhiệm vào các vị trí then chốt trong quản lý số.

Thứ ba, để bảo đảm tính minh bạch và phòng, chống tham nhũng trong môi trường số cần xây dựng cơ chế giám sát cán bộ thông qua hệ thống dữ liệu công khai, truy xuất được, qua đó nâng cao trách nhiệm giải trình và đạo đức công vụ.

4.3. Thúc đẩy hợp tác công - tư và đổi mới sáng tạo pháp lý

Quản lý nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số không thể chỉ dựa vào khu vực công mà cần sự tham gia mạnh mẽ của khu vực tư nhân và xã hội. Điều này đòi hỏi phải xây dựng cơ chế hợp tác công - tư (PPP) trong lĩnh vực CDS và quản lý pháp luật.

Trước hết, cần khuyến khích khu vực tư nhân tham gia phát triển hạ tầng số, nền tảng dữ liệu và các dịch vụ công trực tuyến. Nhà nước vừa đóng vai trò định hướng, vừa tạo hành lang pháp lý an toàn, minh bạch để doanh nghiệp có thể tham gia cung ứng dịch vụ cho người dân và cơ quan nhà nước.

Tiếp theo, cần phát triển các khung pháp lý mang tính thử nghiệm (regulations sandbox) cho những lĩnh vực công nghệ mới như fintech, blockchain, trí tuệ nhân tạo. Đây là mô hình được nhiều nước áp dụng nhằm vừa khuyến khích đổi mới sáng tạo, vừa kiểm soát rủi ro, đồng thời tạo căn cứ thực tiễn cho việc hoàn thiện pháp luật.

Ngoài ra, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ, đặc biệt là các giải pháp phục vụ quản lý công, từ đó hình thành “hệ sinh thái pháp lý số” đồng bộ và năng động.

4.4. Bảo vệ quyền con người và quyền công dân trong môi trường số

Trong bối cảnh CDS, các quyền cơ bản của công dân như quyền riêng tư, quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do ngôn luận và quyền an toàn dữ liệu cá nhân đứng trước nhiều thách thức mới. Do đó, một trong những giải pháp then chốt là bảo đảm hệ thống pháp luật Việt Nam phải đủ mạnh để bảo vệ quyền con người và quyền công dân trong không gian số.

Cần nhanh chóng hoàn thiện Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, xác lập các nguyên tắc như: dữ liệu cá nhân chỉ được thu thập và sử dụng trên cơ sở đồng ý của chủ thể; quyền được quên; quyền được biết dữ liệu của mình được xử lý như thế nào; và cơ chế khiếu nại, khởi kiện khi quyền này bị xâm phạm.

Bên cạnh đó, cần thiết lập cân bằng giữa bảo vệ quyền cá nhân và lợi ích công cộng. Ví dụ, trong lĩnh vực an ninh mạng, pháp luật phải vừa bảo vệ quyền riêng tư của người dân, vừa cho phép Nhà nước có công cụ hợp pháp để xử lý tội phạm mạng, chống khủng bố, gian lận hoặc các hành vi lợi dụng không gian mạng để xâm phạm lợi ích quốc gia. Ngoài ra, cần mở rộng các kênh tư pháp điện tử, cho phép người dân có thể khởi kiện, khiếu nại hoặc yêu cầu giải quyết tranh chấp trực tuyến, qua đó bảo đảm quyền tiếp cận công lý nhanh chóng, thuận tiện và chi phí thấp.

4.5. Tăng cường sự tham gia của xã hội và học hỏi kinh nghiệm quốc tế

Một nền quản trị số hiện đại không thể thành công nếu thiếu sự tham gia của người dân và cộng đồng xã hội. Do đó, giải pháp quan trọng là phải thiết lập các cơ chế pháp lý để người dân tham gia vào quá trình xây dựng và giám sát thực thi chính sách, pháp luật thông qua các nền tảng số.

Các hình thức như tham vấn trực tuyến, trưng cầu ý kiến qua cổng thông tin điện tử, phản hồi dự

thảo luận trực tuyến... cần được mở rộng và luật hóa. Điều này không chỉ nâng cao tính dân chủ và minh bạch mà còn giúp Nhà nước tiếp cận được với những sáng kiến, ý tưởng từ xã hội.

Song song với đó, Việt Nam cần chủ động học hỏi kinh nghiệm quốc tế. Chẳng hạn, có thể nghiên cứu các chuẩn mực tiên tiến như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) của Liên minh châu Âu, Nguyên tắc quản trị số của OECD hoặc mô hình chính phủ điện tử của Hàn Quốc, Estonia. Việc tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế sẽ giúp Việt Nam vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn, vừa tiệm cận với các chuẩn mực toàn cầu.

5. Kết luận

Quản lý nhà nước bằng pháp luật trong bối cảnh CĐS vừa phản ánh xu thế phát triển tất yếu của thời đại, vừa đặt ra yêu cầu cấp bách đối với Việt Nam trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN. Trong quá trình này, pháp luật giữ vai trò nền tảng không chỉ định hình định hướng chiến lược cho CĐS mà còn tạo lập cơ chế bảo đảm tính minh bạch, công bằng, hiệu lực và hiệu quả trong quản lý. Quan trọng hơn, pháp luật là công cụ then chốt để bảo vệ các quyền con người, quyền công dân trong không gian số, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước bằng công nghệ và dữ liệu. Những kết quả đạt được trong thời gian qua từ việc hình thành chính phủ điện tử, vận hành các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, đến sự tăng trưởng nhanh chóng của kinh tế số đã cho thấy quyết tâm chính trị và bước tiến quan trọng của Việt Nam. Tuy nhiên, để tiến xa hơn, hệ thống pháp luật cần được hiện đại hóa, đồng bộ hóa và tiệm cận chuẩn mực quốc tế, đồng thời phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn trong nước. Bởi chỉ khi thiết lập được một khuôn khổ pháp luật vững chắc, có khả năng thích ứng linh hoạt trước sự biến đổi nhanh chóng của công nghệ, CĐS mới thực sự trở thành động lực căn bản thúc đẩy quá trình xây dựng một Nhà nước pháp quyền XHCN hiện đại, dân chủ, minh bạch, trách nhiệm và luôn đặt người dân ở vị trí trung tâm của mọi chính sách.

Tài liệu tham khảo

- [1] Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"*.
- [2] Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 942/QĐ-TTg, ngày 15/6/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập 1 và 2)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [4] European Union (EU) (2016). *General Data Protection Regulation (GDPR)*, Official Journal of the European Union, L119.
- [5] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2021). *Giáo trình Nhà nước và Pháp luật*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [6] Mạnh Tuyên (2024). *Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp 4,5 nghìn dịch vụ công trực tuyến*, nguồn: <https://tcnn.vn/news/detail/63521/Cong-Dich-vu-cong-quoc-gia-da-cung-cap-45-nghin-dich-vu-cong-truc-tuyen.html>, ngày 02/03/2024.
- [7] <https://tcnn.vn/news/detail/67819/Ty-le-dich-vu-cong-truc-tuyen-toan-trinh-tren-tong-so-thu-tuc-hanh-chinh-cua-ca-nuoc-dat-4884.html>.
- [8] Chính phủ (2023). *Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, ngày 17/4/2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân*.
- [9] Ban Chấp hành Trung ương (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.
- [10] Ban Chấp hành Trung ương (2025). *Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*.
- [11] Nguyễn Thị Thu Hằng (2023). *Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước: Kinh nghiệm quốc tế và gợi mở cho Việt Nam*, Tạp chí Quản lý nhà nước, tháng 3.
- [12] Phạm Văn Linh (2024). *Xây dựng và hoàn thiện nền quản trị gắn với chuyển đổi số quốc gia trong kỷ nguyên vươn mình của đất nước*, Tạp chí Quản lý nhà nước, tháng 8.
- [13] Quốc hội (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [14] Trường Đại học Luật Hà Nội (2017). *Giáo trình Lý luận về Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
- [15] Viện Khoa học Pháp lý (2006). *Từ điển luật học*, NXB Từ điển Bách khoa - NXB Tư pháp, Hà Nội.